

Phụ lục 30
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ TÂN HỘI

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	Từ Cống xã Diêu - Cầu kênh Cả Cầm	1.056	
2	Từ Cầu Cả Cầm - đến Cầu Xập	1.056	
3	Từ Cầu Xập - Cống Xã	2.400	
4	Đường vào Chợ Cây Dương	4.224	
5	Từ Cống Xã - trường THPT Cây Dương	1.716	
6	Từ trường THPT Cây Dương - Trạm Y tế Tân Hội	960	
7	Từ Trạm Y tế Tân Hội - Cầu Đập Đá	2.400	
8	Từ Cầu Đập Đá - Ranh Phường Vĩnh Thông	960	
9	- Đường vào Khu dân cư Tân Hội (Khu thương mại)	5.400	
10	- Khu thương mại cụm dân cư chợ Tân Hội	5.400	
11	Cụm dân cư vượt lũ xã ấp Đập Đá, xã Tân Hội	2.400	
12	Cụm dân cư vượt lũ ấp Tân Long	996	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
13	Cụm dân cư vượt lũ ấp Tân Tiến		
	- Khu thương mại	2.400	
	- Khu chính sách	2.000	
14	Cụm dân cư vượt lũ ấp Tân Hòa B		
	- Khu thương mại	996	
	- Khu chính sách	830	
15	Cụm dân cư vượt lũ ấp Chí Thành		
	- Khu thương mại	912	
	- Khu chính sách	760	
16	Tuyến dân cư kênh Đòn Dong (từ kênh Zero - Kênh 3)	1.080	
17	Lộ B xã Tân Hội	720	
18	Từ Kênh Đòn Đông - Kênh Xáng Rạch Giá - Long Xuyên (Kênh Zero phía Tây)	1.000	
19	Từ Kênh Đòn Đông - Kênh Xáng Rạch Giá - Long Xuyên (Kênh 3 phía Đông)	1.000	
20	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	462	Bổ sung

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
21	Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa	396	Bổ sung
22	Các tuyến còn lại	330	Bổ sung